

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 81/2024/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Ông **Trương Đình C**, sinh năm 1963;

Địa chỉ: **Thôn N, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình**;

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: **Thôn N, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình**.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 10 năm 2024,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Trương Đình C** và bà **Nguyễn Thị Thục**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi con chung: Ông **Trương Đình C** và bà **Nguyễn Thị T** thống nhất vợ chồng có 03 con chung tên là **Trương Thị Bảo T1**, sinh ngày 10/10/1989; **Trương Đình K**, sinh ngày 28/9/1991 và **Trương Đình H**, sinh ngày 27/7/1993, hiện các con đã trên 18 tuổi nên hai bên thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông **Trương Đình C** và bà **Nguyễn Thị T** thống nhất vợ chồng tự thoả thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông **Trương Đình C** và bà **Nguyễn Thị T** mỗi người chịu 75.000 đồng án phí ly hôn. Ông **C** thỏa thuận chịu thay án phí ly hôn cho bà **T**. Số tiền án phí ông **C** phải nộp 150.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án BLTU/23 số 0003935, ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Ông **Trương Đình C** được nhận lại số tiền 150.000 đồng tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- UBND xã Xuân Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Trần Thị Nam